TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 38 /2022/DS–ST
Ngày: 15-6-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Văn Chương;
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 370/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST- HPT ngày 26-5-2022, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ trụ sở: đường N, phường M, quận 3, Thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Phạm Đức D, chức vụ: Giám đốc trung tâm thẻ - Ngân hàng Sài Gòn thương tín (vắng mặt).
Bà Hồ Thị Minh T, chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm thẻ- Ngân hàng Sài Gòn thương tín (vắng mặt).
(Theo Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05-5-2020)
Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Trường Th - Nhân viên Ngân hàng TMCP S (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: đường N, phường M, quận 3, Thành phố H
(Theo Giấy ủy quyền số 207/2021/UQ-TTT ngày 19-3-2021)
Bị đơn: Ông Võ Ngọc Ph, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ thường trú hiện nay: số 462/2C đường Trần Phú, phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại

diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Strình bày:

Ngày 10-5-2008, ông Võ Ngọc Ph và Ngân hàng TMCP S có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 12.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Ph đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 111.424.500 đồng, lần cuối ông Ph thực hiện giao dịch là ngày 30-6-2012 với số tiền là 2.540.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, ông Ph đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 118.892.936 đồng. Số tiền thanh toán 118.892.936 đồng được áp dụng theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng theo thứ tự ưu tiên là phí lãi trước giao dịch sau. Cụ thể số tiền 118.892.936 đồng ông Ph thanh toán sẽ ưu tiên trừ vào phí trễ hạn là 3.401.755 đồng, trừ lãi trong hạn là 13.020.255 đồng, trừ phí vượt hạn mức là 1.070.000 đồng, trừ vào phí thường niên, phí tin nhắn 3.686.600 đồng. Sau khi trừ hết các số tiền trên thì số tiền ông Ph thanh toán còn lại là 97.714.326 đồng. Vì vậy, số tiền nợ gốc ông Ph còn nợ là 13.710.174 đồng.

Qua nhiều lần ngân hàng ra thông báo nhắc nợ nhưng ông Ph không thực hiện thanh toán cho ngân hàng. Vì vậy, từ ngày 01-12-2012, ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số nợ dư còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 15-6-2022, ông Ph còn nợ ngân hàng 65.057.366 đồng trong đó nợ gốc là 13.710.174 đồng, lãi quá hạn là 51.347.192 đồng

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Võ Ngọc Ph thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 15-6-2022 với tổng số tiền 65.057.366 đồng trong đó nợ gốc là 13.710.174 đồng, lãi quá hạn là 51.347.192 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nêu trên kể từ ngày 16-6-2022 cho đến khi ông Ph thanh toán hết số tiền nợ.

Đối với bị đơn ông Võ Ngọc Ph: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Ph vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Võ Ngọc Ph trả nợ theo hợp đồng đã giao kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Võ Ngọc Ph có địa chỉ thường trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Bị đơn ông Võ Ngọc Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với số tiền gốc: Lời khai của đại diện nguyên đơn cấp hạn mức tín dụng ông Ph với số tiền là 12.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng gọi chung là hợp đồng) và các tài liệu, chứng cứ khác nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận việc nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 12.000.000 đồng là hoàn toàn có thật. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ph đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 111.424.500 đồng, lần cuối ông Ph thực hiện giao dịch là ngày 30-6-2012 với số tiền là 2.540.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, ông Ph đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 118.892.936 đồng. Số tiền thanh toán 118.892.936 đồng được áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng theo thứ tự ưu tiên là phí lãi trước giao dịch sau. Cụ thể số tiền 118.892.936 đồng ông Ph thanh toán sẽ ưu tiên trừ vào phí trễ hạn là 3.401.755 đồng, trừ lãi trong hạn là 13.020.255 đồng, trừ phí vượt hạn mức là 1.070.000 đồng, trừ vào phí thường niên, phí tin nhắn 3.686.600 đồng. Sau khi trừ hết các số tiền trên thì số tiền ông Ph thanh toán còn lại là 97.714.326 đồng. Vì vậy, số tiền nợ gốc ông Ph còn nợ là 13.710.174 đồng.

Tính đến ngày 15-6-2022, ông Ph còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 13.710.174 đồng. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu ông Ph trả số tiền nợ gốc 13.710.174 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Đối với số tiền lãi: Ông Ph đã vi phạm thời hạn trả nợ nên phải chịu lãi suất, tính đến ngày 15-6-2022 số tiền lãi quá hạn 51.347.192 đồng nên buộc ông

Ph trả số tiền lãi nêu trên và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký, từ ngày 16-6-2022 cho đến khi trả hết nợ.

Từ những căn cứ và phân tích như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Võ Ngọc Ph phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 65.057.366 đồng, trong đó nợ gốc 13.710.174 đồng, lãi quá hạn 51.347.192 đồng và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký, từ ngày 16-6-2022 cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Võ Ngọc Ph.

[1]. Buộc ông Võ Ngọc Ph phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-6-2022) tổng số tiền 65.057.366 đồng (sáu mươi lăm triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, ba trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc 13.710.174 (mười ba triệu, bảy trăm mười ngàn, một trăm bảy mươi tư đồng), lãi quá hạn 51.347.192 đồng (năm mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi bảy ngàn, một trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-6-2022) cho đến khi trả hết nợ, ông Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ngày 10-5-2008 được ký giữa Ngân hàng TMCP Svà ông Võ Ngọc Ph.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Ngọc Ph phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.252.868 đồng (ba triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, tám trăm sáu mươi tám đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.352.308 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn, ba trăm lẻ tám đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ

phần S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00052856 ngày 15-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 11, thành phố H.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngát

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Song Hoàn **Nguyễn Văn Hải** **Bùi Thị Ngát**

Các Hội thẩm **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Văn Hải **Hà Văn Trường** **Bùi Thị Ngát**